TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/DS-PT
Ngày 02 - 3 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: Ông Doãn Đình Quyến

Ông Trương Công Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2017/TLPT-DS ngày 06/12/2017,về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2018/QĐ-PT ngày 12/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Công A1 - Giám đốc phòng giao dịch BM, Chi nhánh ngân hàng A.

Địa chỉ: Số NTL, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk(Có mặt).

- *Bị đơn:*Bà Huỳnh Thị N, Ông Trần Quốc Kh

Cùng trú tại: HTM, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk(Đều vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị N:* Ông Nguyễn Khánh H

Địa chỉ: Số THĐ, Thị trấn ETL, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông(Vắng mặt).

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị Tú Q, Ông Trần Văn H1 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: HTM, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- *Người kháng cáo:*Bà Trần Thị Tú Q (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Văn Công Atrình bày như sau:

Ngày 27/5/2015, bà Huỳnh Thị N và ông Trần Quốc Kh ký hợp đồng tín dụng số 5200-LAV201503887 (Nay là số 5219-LAV201700812) vay của Ngân hàng A, Chi nhánh Đắk Lắk, Phòng giao dịch BM (Nay là Ngân hàng A, Chi nhánh Bắc Đắk Lắk, phòng giao dịch BM) số tiền 1.600.000.000đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư xây dựng chuồng trại, chăn nuôi heo; lãi suất vay là 11,5%/năm, trả lãi theo kỳ trả nợ gốc; thời hạn vay là 60 tháng, kì trả nợ được chia làm các đợt như sau: Ngày 26/5/2016 trả 250.000.000đồng, ngày 26/5/2017 trả 300.000.000đồng, ngày 26/5/2018 trả 350.000.000đồng, ngày 26/5/2019 trả 350.000.000đồng, ngày 26/5/2020 trả 350.000.000đồng.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng và khoản tiền vay nói trên, vợ chồng bà Trần Thị Tú Q và ông Trần Văn H1 có kí hợp đồng thế chấp số 41/15/HĐTC, ngày 27/5/2015 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 120,5m^2, tọa lạc tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thửa đất số 228, tờ bản đồ số 64, đất đã được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 790883 ngày 09/12/2010 mang tên ông Trần Văn H1 và bà Trần Thị Tú Q.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 30/11/2016, bà N, ông Kh đã trả được 500.000.000 đồng tiền gốc và 61.844.444 đồng tiền lãi. Từ đó đến nay mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ nhưng vợ chồng bà N, ông Kh không trả thêm được bất kì khoản tiền gốc hay tiền lãi nào. Nay bà Nga, ông Khanh đã vi phạm hợp đồng nên đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng và yêu cầu vợ chồng bà N, ông Kh phải trả cho ngân hàng số tiền còn nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và 231.181.945 đồng tiền lãi tính đến ngày 20/12/2016 và tiếp tục tính lãi phát sinh trên số tiền gốc vay kể từ ngày 21/12/2016 theo hợp đồng tín dụng số 5200-LAV201503887 (nay là số 5219-LAV201700812) cho đến khi bà N, ông Kh trả hết nợ.

Trường hợp bà N, ông Kh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị N, ông Trần Quốc Kh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tú Q và ông Trần Văn H1 trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết các văn bản Tố tụng

chobà Huỳnh Thị N, ông Trần Quốc Kh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tú Q, ông Trần Văn H1 theo quy định của pháp luật nhưng họ vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án nhân dân Tp Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 107/2017/DSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk đã quyết định:

- Áp dụng khỏan 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A

Buộc bà Huỳnh Thị N và ông Trần Quốc Kh phải trả nợ cho Ngân hàng A tổng số tiền là: 1.331.181.945 đồng *(Một tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu một trăm tám mươi mốt nghìn chín chăm bốn mươi năm đồng)*. Trong đó: Tiền gốc vay là: 1.100.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm triệu đồng), tiền lãi là: 231.181.945 đồng *(Hai trăm ba mươi mốt triệu, một trăm tám mươi mốt nghìn, chín chăm bốn mươi năm đồng)* tính đến ngày 20/12/2016. Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/12/2016 trên số dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 5219-LAV-201700812, ngày 27/5/2015 cho đến khi bà N, ông Kh trả xong hết nợ. (Địa điểm trả nợ tại Ngân hàng A - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk, Phòng giao dịch BM).

Trường hợp bà N, ông Kh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Diện tích đất 120,5m^2 (trong đó: 75m^2 đất ở, 45,5m^2 đất trồng cây hàng năm), thửa đất số 228, tờ bản đồ số 64, địa chỉ thửa đất tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 790883 do UBND Tp. B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/12/2010 mang tên ông Trần Văn H1, bà Trần Thị Tú Q để thu hồi nợ.

Trường hợp bà N, ông Kh trả hết số nợ trên thì Ngân hàng A có nghĩa vụ trả lại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Diện tích đất 120,5m^2 (trong đó: 75m^2 đất ở, 45,5m^2 đất trồng cây hàng năm), thửa đất số 228, tờ bản đồ số 64, địa chỉ thửa đất tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 790883 do UBND Tp. B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/12/2010 mang tên ông Trần Văn H1, bà Trần Thị Tú Q.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2017, bà Trần Thị Tú Q có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số107/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần lãi suất và hoãn thời gian thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tú Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Trongquá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bàTrần Thị Tú Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Xét kháng cáo của bà Trần Thị Tú Q là hợp lệ và trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Ngày 27/5/2015, bà Huỳnh Thị N và ông Trần Quốc Khđã ký hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-201503887 (nay là số 5219-LAV-201700812) với Ngân hàng A, Chi nhánh Bắc Đắk Lắk, phòng giao dịch BM vay số tiền 1.600.000.000đồng, lãi suất vay là 11,5%/năm, trả lãi theo kì trả nợ gốc; thời hạn vay là 60 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 30/11/2016, bà N, ông Kh mới trả được 500.000.000đồng tiền gốc và 61.844.444đồng tiền lãi.

Hiện nay vợ chồng bà N, ông Kh còn nợ ngân hàng 1.100.000.000đồng tiền gốc và 231.181.945 đồng tiền lãi (Lãi trong hạn là 194.637.500đồng, lãi quá hạn là 36.544.445đồng) tính đến ngày 20/12/2016 và tiếp tục tính tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/12/2016 trên số dư nợ gốc vay.

[1] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Tú Qđề nghị Hộiđồng xét xử xem xétlại phần lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nội dung các bên đã ký kết được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-201503887 (nay là số 5219-LAV-201700812) với số tiền gốc 1.100.000.000đồng và 231.181.945 đồng tiền lãi (Lãi trong hạn là 194.637.500đồng, lãi quá hạn là 36.544.445đồng) với lãi suất vay trong hạn là 11,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Cấp sơ thẩm đã tính lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 91 Luật

các tổ chức tín dụng nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Tú Q, là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với việc kháng cáo của bà Trần Thị Tú Q xin hoãn thời gian trả nợ, không được nguyên đơn đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở và căn cứ pháp lý để chấp nhận vì trong hợp đồng vay các bên đã cam kết thời hạn trả nợ nhưng bên vay đã vi phạm thời hạn trả nợ. Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Tú Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo củabàTrần Thị Tú Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm số107/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A

Buộc bà Huỳnh Thị N và ông Trần Quốc Kh phải trả nợ cho Ngân hàng A tổng số tiền là: 1.331.181.945 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu một trăm tám mươi mốt nghìn chín chăm bốn mươi lăm đồng*). Trong đó tiền gốc vay là: 1.100.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm triệu đồng),* tiền lãi là: 231.181.945 đồng (*Hai trămba mươi mốt triệu một trăm tám mươi mốt nghìn chín chăm bốn mươi lăm đồng)* tính đến ngày 20/12/2016. Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/12/2016 trên số dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 5219-LAV-201700812, ngày 27/5/2015 cho đến khi bà N, ông Kh trả xong hết nợ. (Địa điểm trả nợ tại Ngân hàng A - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk, phòng giao dịch BM).

Trường hợp bà N, ông Kh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Diện tích đất 120,5m^2 (trong đó: 75m^2 đất ở, 45,5m^2 đất trồng cây hàng năm),thửa đất số 228, tờ bản đồ số 64, địa chỉ thửa đất tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB

790883 do UBND Tp. B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/12/2010 mang tên ông Trần Văn H1, bà Trần Thị Tú Q để thu hồi nợ.

Trường hợp bà N, ông Kh trả hết số nợ trên thì Ngân hàng A có nghĩa vụ trả lại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Diện tích đất 120,5m^2 (trong đó: 75m^2 đất ở, 45,5m^2 đất trồng cây hàng năm), thửa đất số 228, tờ bản đồ số 64, địa chỉ thửa đất tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 790883 do UBND Tp. B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/12/2010 mang tên ông Trần Văn H1, bà Trần Thị Tú Q.

[2] Về án phí:

Bà Huỳnh Thị N, ông Trần Quốc Kh phải nộp 51.935.000đồng (Năm mươi mốt triệu, chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền 25.967.000đồng (Hai mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Trương Thành Đ đã nộp thay theo biên lai số AA/2014/0041396, ngày 04/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp.B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Trần Thị Tú Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Tú L đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2017/0000142 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Tấn Đức